

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO CHIẾN TRANH DU KÍCH TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (12/1946 - 10/1950)

✶ ThS. TRẦN HẠ LONG

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày tiếp nhận: 12/12/2025 Ngày bình duyệt: 10/01/2026 Ngày duyệt đăng: 30/01/2026

• **Tóm tắt:** Chiến tranh du kích là phương thức tác chiến linh hoạt, sáng tạo, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong các thắng lợi quân sự của cách mạng Việt Nam. Bài viết phân tích vai trò lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc hình thành, tổ chức và phát triển chiến tranh du kích ở giai đoạn đầu kháng chiến chống Pháp (12/1946 - 10/1950); qua đó làm rõ giá trị của tư duy chiến lược đúng đắn, sự phát huy sức mạnh toàn dân tộc và những bài học có ý nghĩa lý luận, thực tiễn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

• **Từ khóa:** Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam, chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân, kháng chiến chống Pháp

1. Đặt vấn đề

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) là một trong những giai đoạn thử thách to lớn nhưng hết sức oanh liệt của cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh đất nước vừa giành được độc lập, chính quyền cách mạng còn non trẻ, nền kinh tế kiệt quệ, lực lượng vũ trang còn sơ khai, thực dân Pháp với sự hậu thuẫn của các thế lực đế quốc đã quay trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Trước tình hình đó, yêu cầu khách quan đặt ra đối với Đảng Cộng sản Việt Nam (lúc này rút vào hoạt động bí mật) và Chủ tịch Hồ Chí Minh là phải lãnh đạo toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện tương quan lực lượng hết sức chênh lệch.

Trong bối cảnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã khẳng định đường lối, phương châm kháng chiến của cách mạng Việt Nam là toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính. Với tư duy chiến lược sáng tạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng đã lựa chọn chiến tranh du kích làm hình thức đấu tranh chủ yếu trong giai đoạn đầu kháng chiến. Ngay từ khi toàn quốc kháng chiến bùng nổ ngày 19/12/1946, chiến tranh du kích đã trở thành hình thái đấu tranh phổ biến trên phạm vi cả nước. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương, hình thức chiến tranh này không ngừng phát triển từ quy mô nhỏ lẻ sang có tổ chức, có phương pháp và ngày càng hoàn thiện về tư duy chiến lược.

Thực tiễn các chiến dịch lớn như Việt Bắc Thu - Đông năm 1947 và Chiến dịch Biên giới năm 1950 đã minh chứng sinh động cho tính đúng đắn của đường lối chiến tranh nhân dân, đồng thời đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy quân sự Việt Nam.

2. Bối cảnh và đặc điểm giai đoạn đầu kháng chiến chống Pháp (12/1946 - 10/1950)

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do của dân tộc. Tuy nhiên, nền độc lập vừa giành được lập tức bị các thế lực phản động và thực dân Pháp âm mưu lật đổ. Tháng 9/1945, thực dân Pháp nổ súng ở Nam Bộ, mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai. Đến cuối năm 1946, bất chấp thiện chí hòa bình của Chính phủ Việt Nam, thực dân Pháp quyết định mở rộng chiến tranh ra toàn quốc với âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh”, nhanh chóng chiếm lại Việt Nam. Trước tình thế đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta chủ trương kiên quyết đứng lên bảo vệ độc lập dân tộc. Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, hiệu triệu toàn dân tộc đứng lên bảo vệ Tổ quốc: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”¹.

Khi bước vào cuộc kháng chiến, nhân dân Việt Nam có những điều kiện thuận lợi cơ bản. Đó là chính nghĩa của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc; là yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hòa; là tinh thần đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: “ta thì thiên thời, địa lợi, nhân hòa, ta đủ để thắng nó. Thiên thời: Ít tháng nữa, giờ nóng

nực, Pháp không chịu nổi khí hậu, sẽ ngại dần, từ Nam chí Bắc đi tới đâu chỉ có tro tàn gạch vụn, Pháp đánh ban ngày nhưng ta lại đánh ban đêm. Địa lợi: Ta ở đất ta, Pháp không quen đường đi. Nhân hòa: Trừ một số Việt gian, còn 25 triệu dân ta đều muốn tự do.... Cả ba: Thiên thời, địa lợi, nhân hòa đều lợi cho ta. Những cái lợi cho ta là hại cho địch, mà lợi cho địch là hại cho ta”². Bên cạnh đó, quân và dân ta đoàn kết một lòng dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng, nêu cao tinh thần *Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*. Bên cạnh đó, cuộc kháng chiến được kế thừa kinh nghiệm đấu tranh vũ trang từ thời kỳ tiền khởi nghĩa (1930 - 1945) đã tạo nền tảng quan trọng cho việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến. Trong khi đó, thực dân Pháp lại gặp nhiều khó khăn về chính trị, kinh tế và quân sự: nền kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai bị tàn phá nặng nề, dư luận nhân dân Pháp không ủng hộ chiến tranh thuộc địa, quân đội viễn chinh phải phân tán lực lượng trên nhiều chiến trường.

Tuy nhiên, khó khăn của cách mạng Việt Nam cũng hết sức to lớn. Tương quan lực lượng giữa ta và địch chênh lệch nghiêm trọng; quân đội ta còn non trẻ, trang bị thô sơ; nền kinh tế kiệt quệ; đất nước chưa được quốc tế công nhận và giúp đỡ. Trong bối cảnh đó, việc xác định đúng đường lối và phương thức tiến hành chiến tranh có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh dân tộc. Xuất phát từ thực tiễn ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng sớm xác định đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính; trong đó, chiến tranh du kích giữ vai trò chủ yếu trong giai đoạn đầu. Đây là sự lựa chọn phù hợp với điều kiện lịch sử - xã hội, địa hình và truyền thống quân sự của dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Về phương pháp tác chiến, chúng ta áp dụng vận động chiến song song với du kích

chiến. Vận động chiến có mục đích trừ diệt một số lớn địch quân. Còn du kích chiến là huy động dân quân ở địa phương vừa quấy rối vừa làm hao mòn lực lượng của chúng”³. Theo Người, chiến tranh du kích vừa là một là hình thức tác chiến quân sự, vừa là biểu hiện sinh động của tư tưởng chiến tranh nhân dân. Người khẳng định: “Mỗi người dân Việt Nam, bất kỳ già, trẻ, trai, gái; bất kỳ giàu, nghèo, lớn, nhỏ, đều cần phải trở nên một chiến sĩ tranh đấu trên mặt trận: Quân sự, Kinh tế, Chính trị, Văn hóa”⁴.

Như vậy, bối cảnh lịch sử giai đoạn đầu kháng chiến chống Pháp đã quy định tính tất yếu của việc lựa chọn chiến tranh du kích - một quyết sách thể hiện tập trung tư duy chiến lược Hồ Chí Minh, sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và truyền thống quân sự của dân tộc Việt Nam.

3. Sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đối với chiến tranh du kích (12/1946 - 10/1950)

Thứ nhất, đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn về chiến tranh du kích

Ngay trước và sau khi toàn quốc kháng chiến bùng nổ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng đã xác định rõ chiến tranh chống Pháp phải tiến hành theo đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh; trong đó, chiến tranh du kích là phương thức tác chiến cơ bản trong giai đoạn đầu. Quan điểm này được thể hiện nhất quán trong các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đồng thời trở thành cơ sở lý luận - thực tiễn cho toàn bộ quá trình tổ chức và chỉ đạo kháng chiến. Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương tháng 4/1947 nhấn mạnh: “Du kích vận động chiến phải là cách đánh của toàn dân, không phải của riêng bộ đội. Nên phải phát động phong trào dân quân và võ trang toàn dân”⁵. Hội nghị đã khẳng định vị trí chiến lược của lực lượng dân quân tự vệ du kích trong sự nghiệp kháng chiến, coi đây là lực lượng

rộng rãi nhất, gắn bó chặt chẽ với quần chúng nhân dân và giữ vai trò trực tiếp trong việc làm tiêu hao sinh lực địch tại cơ sở.

Khái quát kinh nghiệm qua sáu tháng đầu kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Địch muốn dùng cách đánh mau, thắng mau. Nếu chiến tranh kéo dài, hao binh tổn tướng, chúng sẽ thất bại. Vậy ta dùng chiến lược trường kỳ kháng chiến, để phát triển lực lượng, tăng thêm kinh nghiệm. Ta dùng chiến thuật du kích, để làm cho địch hao mòn, cho đến ngày ta sẽ tổng phản công, để quét sạch lũ chúng”⁶. Qua đó, Người đã luận giải rõ mối quan hệ biện chứng giữa chiến lược và chiến thuật trong chiến tranh cách mạng: lấy trường kỳ kháng chiến làm định hướng chiến lược, lấy chiến tranh du kích làm phương thức tác chiến chủ yếu nhằm làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát rõ bản chất chiến lược của chiến tranh du kích: sử dụng những hình thức tác chiến linh hoạt, quy mô nhỏ nhưng liên tục, rộng khắp để tiêu hao sinh lực địch, kéo dài chiến tranh, tạo điều kiện củng cố lực lượng ta và chuẩn bị cho tổng phản công. Đồng thời, Người đặc biệt coi trọng việc tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quân sự quốc tế, trực tiếp chỉ đạo biên soạn các tài liệu như *Kinh nghiệm du kích Tàu*, *Kinh nghiệm du kích Pháp* nhằm nâng cao trình độ tác chiến cho lực lượng vũ trang và cán bộ chỉ huy các cấp. Trong tư duy của Người, chiến tranh du kích không phải là hoạt động tự phát, manh mún, mà là một bộ phận hữu cơ của chiến lược quân sự thống nhất. Người khẳng định: “Dân quân, tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận địch nhân hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã”⁷. Nhận thức này thể hiện rõ quan điểm lấy dân làm gốc, coi quần chúng nhân dân là

chủ thể trực tiếp của chiến tranh cách mạng. Quan trọng hơn, chiến tranh du kích luôn được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với chiến lược tổng thể của cuộc kháng chiến. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, chiến tranh du kích không mang tính phòng ngự thụ động mà được triển khai một cách chủ động, linh hoạt, từng bước mở rộng phạm vi hoạt động, phát triển hình thức “du kích vận động chiến”, đưa chiến tranh vào sâu trong hậu phương địch, biến hậu phương của địch thành tiền tuyến của ta. Đây là một nét sáng tạo đặc sắc trong tư duy quân sự Hồ Chí Minh và trong đường lối chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta.

Có thể khẳng định rằng, từ tư tưởng chỉ đạo đến quyết sách tổ chức thực hiện, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác lập một đường lối khoa học, phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước: lấy dân làm gốc; kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, kinh tế, văn hóa; sử dụng chiến tranh du kích để làm tiêu hao sinh lực địch, mở rộng căn cứ cách mạng và chuẩn bị cho những bước phát triển cao hơn của cuộc kháng chiến.

Thứ hai, tổ chức lực lượng và xây dựng thế trận chiến tranh du kích

Cùng với việc hoạch định đường lối và chủ trương kháng chiến đúng đắn, Đảng và Chính phủ đặc biệt coi trọng công tác tổ chức lực lượng và xây dựng thế trận chiến tranh du kích. Trên cơ sở đường lối đã được xác định, Trung ương Đảng và Chính phủ tập trung chỉ đạo kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ huy, đồng thời tổ chức lực lượng vũ trang nhân dân theo hướng rộng khắp, phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, tạo nên thế trận chiến tranh du kích trải rộng từ miền núi đến đồng bằng, từ hậu phương đến vùng địch tạm chiếm.

Ngày 12/02/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập Phòng Dân quân toàn quốc, trực thuộc Cục Chính trị. Đến tháng

7/1947, Phòng Dân quân được chuyển sang trực thuộc Bộ Tổng chỉ huy, thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Chính phủ đối với lực lượng dân quân tự vệ trong điều kiện chiến tranh lan rộng trên phạm vi cả nước. Cơ cấu tổ chức lực lượng dân quân du kích từng bước được kiện toàn từ Trung ương đến địa phương, “Tại các khu đã bắt đầu có phong trào dân quân. Ở tỉnh có Ban chỉ huy Tỉnh đội, huyện có Huyện đội, xã có Đội dân quân thuộc Ủy ban kháng chiến”⁸. Song song với việc hoàn thiện tổ chức, công tác huấn luyện cán bộ dân quân được đẩy mạnh. Nhiều lớp đào tạo được mở tại các căn cứ như Tân Trào, Tuy Hòa, Định Hóa... nhằm bồi dưỡng kiến thức quân sự, phương pháp tổ chức quần chúng và kỹ năng chỉ huy tại cơ sở. Thông qua đó, đội ngũ cán bộ dân quân từng bước trưởng thành, đáp ứng yêu cầu tổ chức và chỉ đạo chiến tranh du kích trong điều kiện chiến tranh ngày càng ác liệt. Kết quả tổ chức lực lượng đạt được nhanh chóng và ấn tượng. Ngay trong năm 1946, một lực lượng dân quân tự vệ đông đảo đã được hình thành trên phạm vi cả nước. Đến mùa thu năm 1948, số lượng dân quân du kích tăng mạnh, “tổng số dân quân du kích từ Trị - Thiên trở ra lên tới 1.220.000 người”⁹. Đây là lực lượng trực tiếp bám dân, bám đất, giữ vai trò nòng cốt trong bảo vệ chính quyền cách mạng ở cơ sở, đồng thời phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương trong tác chiến.

Cùng với việc xây dựng lực lượng, Đảng đặc biệt chú trọng xây dựng thế trận chiến tranh du kích. Trên nhiều địa bàn, phong trào xây dựng “làng kháng chiến”, “khu chiến đấu” và “căn cứ du kích” được triển khai rộng khắp, biến nhiều vùng nông thôn thành pháo đài kháng chiến vững chắc. Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ IV (miền Bắc Đông Dương) nhấn mạnh: “Đánh mạnh ở hậu phương địch, nếu ta có cơ sở. Gây cơ sở ở những nơi chưa có. Củng cố và phát triển

phong trào du kích ở dọc đường giao thông đi đôi với tác chiến. củng cố và phát triển du kích vùng quốc dân thiểu số Bắc Bộ và Trung Bộ. Đại đội độc lập giúp du kích trở nên những bộ đội địa phương. Lập nhiều làng chiến đấu ở đồng bằng, khu chiến đấu ở miền núi”¹⁰. Thực hiện chủ trương đó, phong trào xây dựng làng chiến đấu phát triển mạnh mẽ tại nhiều liên khu. “Đến cuối năm 1948, trên địa bàn Liên khu III có 480 làng kháng chiến... Dân quân du kích có kế hoạch thường xuyên canh gác bảo vệ làng và sẵn sàng đánh địch khi chúng đến”¹¹. Các làng kháng chiến không chỉ là nơi bảo vệ an toàn cho nhân dân và chính quyền cách mạng, mà còn là cơ sở quan trọng để tổ chức lực lượng, tích trữ lương thực, che giấu cán bộ và làm bàn đạp cho các hoạt động quân sự.

Như vậy, công tác tổ chức lực lượng và xây dựng thế trận chiến tranh du kích trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp thể hiện tầm nhìn chiến lược và sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ việc thành lập Phòng Dân quân toàn quốc, kiện toàn hệ thống chỉ huy ba cấp đến mở các lớp huấn luyện cán bộ, lực lượng dân quân tự vệ nhanh chóng phát triển rộng khắp. Các “làng kháng chiến”, “khu chiến đấu”, “căn cứ du kích” được hình thành đồng bộ, tạo nên thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc. Đến cuối năm 1948, hơn một triệu dân quân du kích đã trở thành lực lượng quan trọng bảo vệ hậu phương, phối hợp hiệu quả với bộ đội chủ lực, góp phần thiết thực vào thắng lợi của cuộc kháng chiến lâu dài.

Thứ ba, chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo và phát triển chiến tranh du kích phù hợp thực tiễn

Từ năm 1948 đến năm 1950, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, chiến tranh du kích không ngừng được phát triển cả về quy mô, phương thức và phạm vi hoạt động. Trước yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn chiến trường,

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh việc xây dựng và phát triển đồng bộ ba lực lượng vũ trang: vệ quốc quân, bộ đội địa phương và dân quân du kích, coi đây là nhân tố quyết định để thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện.

Trong tư duy chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự phối hợp chiến đấu giữa các lực lượng vũ trang phải được tiến hành linh hoạt, phù hợp với từng địa bàn và từng giai đoạn. Người chỉ rõ vai trò cụ thể của mỗi lực lượng trong thế trận chiến tranh nhân dân: Vệ quốc quân giữ nhiệm vụ chủ công, “đánh những trận to để tiêu diệt chủ lực của địch”¹², đồng thời hỗ trợ huấn luyện, tổ chức bộ đội địa phương và dân quân du kích. Bộ đội địa phương đảm nhận việc “đánh những trận vừa”¹³, chủ động chuẩn bị chiến trường, giữ vững địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội chủ lực cơ động tác chiến. Trong khi đó, dân quân du kích có nhiệm vụ “canh gác nghiêm ngặt, giữ gìn bí mật, bảo vệ làng xã, phòng gian trừ gian, phối hợp với bộ đội địa phương và Vệ quốc quân để đánh những trận to”¹⁴. Trên cơ sở chỉ đạo đó, chiến tranh du kích tiếp tục được mở rộng sâu rộng ở cả vùng tự do và vùng địch tạm chiếm. Hoạt động du kích diễn ra thường xuyên, liên tục, buộc quân Pháp phải phân tán lực lượng đối phó trên nhiều địa bàn, làm suy yếu thế chủ động chiến lược của chúng. Thông qua các hoạt động đánh nhỏ, đánh lẻ, phục kích, tập kích, phá giao thông, phá hậu cần, lực lượng du kích từng bước làm tiêu hao sinh lực địch, góp phần quan trọng vào việc giữ vững thế cầm cự của ta trong giai đoạn đầu kháng chiến.

Đến năm 1950, thực tiễn kháng chiến đặt ra yêu cầu cấp bách là phải từng bước vượt qua giai đoạn phòng ngự, cầm cự, tiến tới giành quyền chủ động trên chiến trường và chuẩn bị cho tổng phản công. Xuất phát từ yêu cầu đó, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời điều chỉnh phương thức chỉ đạo quân sự theo hướng linh hoạt và sáng tạo

hơn, phù hợp với sự trưởng thành của lực lượng vũ trang và sự thay đổi của tương quan lực lượng. Báo cáo tại Hội nghị toàn quốc lần thứ III (tháng 01/1950) đã xác định rõ phương hướng tác chiến: “Phải phát triển du kích chiến tranh, làm cho quân địch đã phân tán càng thêm phân tán; đánh giao thông (bộ, thủy và không), chặt đứt các đường giao thông lớn của địch, bao vây kinh tế địch, phá dự trữ của địch..., phát triển du kích sau lưng địch đến cực độ, gây cơ sở trong vùng bị tạm chiếm. Phát triển chiến tranh du kích, đặc biệt ở những vùng chiến lược trọng yếu, đẩy mạnh vận động chiến lên địa vị chủ yếu, đánh thẳng vào tinh thần địch bằng cách mở rộng nguy vận và địch vận theo một quy mô lớn”¹⁵. Những chỉ đạo này thể hiện rõ tư duy chiến lược tích hợp của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh: lấy chiến tranh du kích làm công cụ chủ yếu để làm tiêu hao sinh lực địch, phá vỡ thế kìm kẹp, mở rộng vùng căn cứ; đồng thời từng bước tạo thế, tạo lực và tạo thời cơ cho lực lượng chủ lực mở các chiến dịch quy mô lớn. Quá trình đó thúc đẩy sự chuyển hóa từ du kích chiến sang vận động chiến, tiến tới kết hợp ngày càng chặt chẽ với chiến tranh chính quy. Trên thực tiễn, sự chỉ đạo linh hoạt và sáng tạo đó đã góp phần quan trọng vào việc hình thành và hoàn thiện hệ thống lực lượng vũ trang ba thứ quân (bộ đội chủ lực - bộ đội địa phương - dân quân du kích), tạo nên thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp, vững chắc và phù hợp với đặc điểm chiến trường Việt Nam. Chính bước phát triển mang tính đột phá này đã tạo tiền đề trực tiếp cho thắng lợi của Chiến dịch Biên giới năm 1950. Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới đánh dấu bước chuyển căn bản về cục diện chiến tranh, thể hiện rõ hiệu quả của việc vận dụng sáng tạo chiến tranh du kích trong chiến lược quân sự của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từng bước chuyển sang giai đoạn phản công và giành thế chủ động chiến lược.

4. Kết luận

Trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (12/1946 - 10/1950), dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, chiến tranh du kích đã được vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước. Đây là hình thức tác chiến chủ yếu góp phần giữ vững lực lượng, tiêu hao sinh lực địch và xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp.

Từ thực tiễn lãnh đạo chiến tranh du kích trong giai đoạn này có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu: *một là*, kiên định sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng đối với sự nghiệp kháng chiến và quốc phòng; *hai là*, phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy nhân dân làm nền tảng của chiến tranh nhân dân; *ba là*, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng lực lượng vũ trang với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân; *bốn là*, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức và phương thức tác chiến phù hợp với từng giai đoạn và điều kiện cụ thể. Những bài học này tiếp tục có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững chắc và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh mới. ■

^{1,3} Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội t.4, tr.534, 528.

^{2, 4, 6, 7} Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.72, 556, 179, 158.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000): *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.8, tr.183.

^{8, 9, 11} Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (2017): *Lịch sử Việt Nam: Tập 10 - Từ năm 1945 đến năm 1950*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.553, 412, 414.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000): *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.9, tr.96, 97.

^{12, 13, 14} Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.212, 212, 212.

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.11, tr.54 - 55.